

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG PẮC
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 01/2020/KDTM-ST

Ngày: 10/7/2020

*V/v: “Kiện tranh chấp hợp
đồng tín dụng”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG PẮC, ĐẮK LẮK

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thanh Hà.

- Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Viết Chấn. Chức vụ: Cán bộ Trung tâm y tế thị trấn Phước An.

2. Bà Trịnh Thị Oanh. Chức vụ: Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bình - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Pắc tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thủy. Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 10/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án kiện “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thụ lý số 18/2019/TLST-KDTM ngày 20/12/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-KDTM, ngày 29/5/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2020/QĐHPT-ST, ngày 19 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Địa chỉ: Số 18, đường T, khu đô thị M 1, quận L, thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng N– Chi nhánh huyện P, Đắk Lắk.

Địa chỉ: 334B, đường G, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đình T. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh.

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Quyết C. Chức vụ: Trưởng phòng kế hoạch – kinh doanh – N – Chi nhánh huyện P.

Địa chỉ: 334B, đường G, thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn B, sinh năm 1975. Bà Lại Thị V, sinh năm 1976.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1989.
2. Anh Trần Văn V1, sinh năm 1996.
3. Chị Trần Thị X, sinh năm 1999.

Cùng nơi cư trú: Thôn S, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/9/2019 và tại phiên toà hôm nay người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn ông Nguyễn Quyết C trình bày: Trong quá trình thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận vào ngày 16/5/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P – Đắk Lắk có ký hợp đồng tín dụng 5203LAV201801512 với bà Lại Thị V. Theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng chúng tôi đồng ý cho bà Lại Thị V vay số tiền là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 10,5%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, mục đích vay: Kinh doanh nông sản. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/5/2018. Phương thức thanh toán lãi trả theo quý 3 tháng/01 lần, vốn trả khi hết hạn vay.

Để đảm bảo số nợ vay nói trên bà Lại Thị V cùng chồng là ông Trần Văn B và các con là chị Trần Thị L, anh Trần Văn V1, chị Trần Thị X đồng ý thế chấp cho ngân hàng chúng tôi quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số CA 628593, thửa số 196, tờ bản đồ số 15; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (CN QSDĐ) số CA 628594, thửa số 185a, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 22/7/2015 và Giấy CN QSDĐ số K 573621, thửa số 46, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số K 573622, thửa số 44, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ Trần Văn B ngày 02/8/1998.

Theo hợp đồng đã ký kết thì đến ngày 16/5/2019 ông B, bà V phải trả cho ngân hàng 550.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng, nhưng đến ngày 09/8/2018 ông B, bà V chỉ trả được cho Ngân hàng 476.855 đồng tiền lãi trong hạn rồi không trả thêm được khoản nợ nào khác mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc ông B, bà V trả nợ theo hợp đồng đã ký kết nhưng ông B, bà V vẫn chây ỳ không trả nợ, vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng.

Vì vậy Ngân hàng đã khởi kiện đề nghị Toà án tuyên buộc ông Trần Văn B, bà Lại Thị V phải trả cho Ngân hàng khoảng nợ gốc là 550.000.000đ;

Nợ lãi trong hạn từ ngày 16/5/2018 đến ngày 16/5/2019 = 365 ngày x 10%/năm = 57.750.000 đồng – 476.855 đồng = 57.273.145 đồng.

Nợ lãi quá hạn từ ngày 17/5/2019 đến ngày 10/7/2020 = 420 ngày x 15,75%/năm = 99.678.082 đồng.

Nợ lãi chậm trả từ ngày 16/5/2019 đến ngày 10/7/2020 = 421 ngày x 10%/năm = 18.158.143 đồng.

Tổng cộng là 725.109.370 (Bảy hai mươi lăm triệu một trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi) đồng.

Và khoản nợ lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và lãi phạt kể từ ngày 11/7/2020 cho đến khi trả nợ xong.

Trong trường hợp bà Lại Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mãi tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Giấy CN QSDĐ số CA 628593, thửa số 196, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số CA 628594, thửa số 185a, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 22/7/2015 và Giấy CN QSDĐ số K 573621, thửa số 46, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số K 573622, thửa số 44, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ Trần Văn B ngày 02/8/1998.

Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm Tòa án nhân huyện P đã triệu tập họp lệ và thông báo nhắc tìm người vắng mặt nơi cư trú đối với bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để các đương sự tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Trần Văn B, bà Lại Thị V; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L, anh Trần Văn V1 và chị Trần Thị X đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thu thập được lời khai cũng như không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham dự phiên tòa phát biểu: Việc tiếp nhận đơn khởi kiện, thẩm quyền giải quyết vụ án, thụ lý và ra thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách tham gia tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đối với đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 85, và Điều 86, của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng bị đơn ông Trần Văn B, bà Lại Thị V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L, anh Trần Văn V1 và chị Trần Thị X đã vi phạm tại các Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 323, Điều 463

và Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N. Buộc vợ chồng ông Trần Văn B, bà Lại Thị V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng) tiền vay gốc và lãi suất phát sinh theo hợp đồng từ ngày vay đến ngày trả xong nợ. Trường hợp ông Trần Văn B, bà Lại Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền:

Về quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk xác định quan hệ pháp luật: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận được quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền: Tại thời điểm Ngân hàng khởi kiện bị đơn vợ chồng ông Trần Xuân B, bà Lại Thị V và các con là chị Trần Thị L, anh Trần Văn V1, chị Trần Thị X có nơi cư trú cuối cùng tại Thôn S, xã B, huyện P, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Đắk Lắk căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa lần thứ nhất bị đơn ông Trần Văn B, bà Lại Thị V; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L, anh Trần Văn V1 và chị Trần Thị X vắng mặt nên HĐXX đã hoãn phiên tòa và tổng đạt quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Trần Văn B, bà Lại Thị V; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị L, anh Trần Văn V và chị Trần Thị X vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do và Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, HĐXX xét thấy: Ngày 16/5/2018 Ngân hàng N – Chi nhánh huyện P – Đắk Lắk có ký hợp đồng tín dụng 5203LAV201801512 với bà Lại Thị V. Theo hợp đồng đã ký kết thì Ngân hàng cho bà Lại Thị V vay số tiền là 550.000.000đ (Năm trăm năm mươi triệu đồng), lãi suất trong hạn 10,5%/năm, Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong

hạn, mục đích vay: Kinh doanh nông sản. Thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 16/5/2018. Phương thức thanh toán lãi trả theo quý 3 tháng/01 lần, vốn trả khi hết hạn vay.

Theo hợp đồng tín dụng đã ký kết thì đến ngày 16/5/2019 ông Trần Văn B, bà Lại Thị V phải trả cho ngân hàng 550.000.000đ nợ gốc và nợ lãi phát sinh theo hợp đồng, nhưng từ khi ký kết hợp đồng tín dụng đến nay ông B, bà V chỉ trả được cho Ngân hàng được 476.885 đồng tiền nợ lãi trong hạn vào ngày 09/8/2018 rồi không trả thêm được khoản nợ nào là vi phạm nghiêm trọng hợp đồng tín dụng đã ký kết và Khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; Nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ, nên cần buộc ông B, bà V phải trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 550.000.000 đồng là đúng quy định pháp luật.

Về lãi suất: Theo thỏa thuận của các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng nói trên thì mức lãi suất trong hạn là 10,5%/năm, lãi suất quá hạn được tính 150% của lãi suất trong hạn. Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng, để tính lãi suất theo đúng hợp đồng đã ký kết kể từ khi giao dịch cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng, cụ thể như sau:

Tiền lãi trong hạn tính từ ngày 16/5/2018 đến ngày 16/5/2019 = 365 ngày: $365 \text{ ngày} \times \{(550.000.000\text{đ} \times 10,5\%/năm) : 365\} = 57.750.000 \text{ đồng}$. Đã trả 476.885 đồng vào ngày 09/8/2018. Còn nợ lại lãi trong hạn là 57.273.145 đồng.

Tiền nợ lãi quá hạn từ ngày 17/5/2019 đến ngày 10/7/2020 = 420 ngày $\times \{(550.000.000\text{đ} \times 15,75\%/năm) : 365\} = 99.678.082 \text{ đồng}$.

Tiền nợ lãi chậm trả từ ngày 16/5/2019 đến ngày 10/7/2020 = 421 ngày $\times \{(550.000.000\text{đ} \times 10\%/năm) : 365\} = 18.158.143 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền lãi trong hạn, quá hạn và nợ lãi chậm trả, tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm còn nợ của Ngân hàng là 175.109.370 đồng.

Như vậy, số tiền cần buộc ông Trần Văn Bình, bà Lại Thị Vinh phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam tổng cộng số tiền là: 725.109.370 (Bảy hai mươi lăm triệu một trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi) đồng. Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm ông B, bà V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn, lãi chậm trả của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về hợp đồng thế chấp: Theo hợp đồng ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền trên đất của các thành viên trong hộ gia đình và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 240732281/2017/HĐTC được công chứng tại văn phòng công chứng T; Địa chỉ: thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk và đăng ký thế chấp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P ngày

12/5/2017, tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo các Giấy CN QSDĐ số CA 628593, thửa số 196, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số CA 628594, thửa số 185a, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 22/7/2015 và Giấy CN QSDĐ số K 573621, thửa số 46, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số K 573622, thửa số 44, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ Trần Văn B ngày 02/8/1998. Xét việc ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp giữa các đương sự đã ký kết là tự nguyện, tuân thủ nội dung và hình thức, đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Nên Tòa án công nhận Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa ông Trần Văn B, bà Lại Thị V với Ngân hàng N là có thật và hợp pháp.

Sau khi ông Trần Văn B, bà Lại Thị V thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp cho ông Trần Văn B, bà Lại Thị V theo quy định của pháp luật.

Trường hợp ông Trần Văn B, bà Lại Thị V không tự nguyện thanh toán đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ.

[5] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện theo yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng N. Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự thì nguyên đơn Ngân hàng N phải chịu toàn bộ lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng là 4.605.800 đồng, được khấu trừ vào số tiền 4.500.000 đồng nguyên đơn đã nộp tại Tòa án và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam đã nộp thêm 105.800 đồng.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án.

Buộc ông Trần Văn B, bà Lại Thị V phải chịu 33.004.374 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Theo mức tính: từ 400.000.000 đồng đến 800.000.000 đồng phải chịu 20.000.000 đồng + (325.109.370 đồng x 4%) = 33.004.374 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 14.358.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 180, Điều 92, 147, 157, 158, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 323, 463, 466 của Bộ luật dân sự 2015.

- Căn cứ vào Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 1 điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N.

Buộc ông Trần Văn B, bà Lại Thị V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N số tiền 725.109.370 (Bảy hai mươi lăm triệu một trăm lẻ chín nghìn ba trăm bảy mươi) đồng. Trong đó tiền vay gốc là 550.000.000 đồng, tiền lãi là 175.109.370 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án sơ thẩm, ông Trần Văn B, bà Lại Thị V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp ông Trần Văn B, bà Lại Thị V không thanh toán hoặc thanh toán không đủ số nợ gốc và lãi suất phát sinh nói trên thì Ngân hàng N có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo các Giấy CN QSDĐ số CA 628593, diện tích 3.579m², thửa số 196, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số CA 628594, diện tích 2.070m², thửa số 185a, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 22/7/2015 và các Giấy CN QSDĐ số K 573621, diện tích 12.050m², thửa số 46, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số K 573622, diện tích 3.140m², thửa số 44, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ Trần Văn B ngày 02/8/1998. Địa chỉ các thửa đất nói trên; xã Vụ Bồn, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi ông Trần Văn B, bà Lại Thị V thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có nghĩa vụ trả lại tài sản đã thế chấp gồm các Giấy CN QSDĐ số CA 628593, thửa số 196, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số CA 628594, thửa số 185a, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ ông Trần Văn B ngày 22/7/2015 và Giấy CN QSDĐ số K 573621, thửa số 46, tờ bản đồ số 15; Giấy CN QSDĐ số K 573622, thửa số 44, tờ bản đồ số 15 do UBND huyện Krông Pắc cấp cho hộ Trần Văn ngày 02/8/1998 cho ông Trần Văn B, bà Lại Thị V.

Về lệ phí: Nguyên đơn Ngân hàng N phải chịu 4.605.800 đồng tiền lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng và đã nộp đủ 4.605.800 đồng nên Tòa án không đề cập giải quyết.

Về án phí: Buộc ông Trần Văn B, bà Lại Thị V phải chịu 33.004.374 (Ba mươi ba triệu không trăm lẻ bốn nghìn ba trăm bảy mươi tư) đồng tiền án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 14.358.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện P theo biên lai thu số AA/2019/0003982 ngày 17/12/2019.

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện P;
- Chi cục Thi hành án huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

(Đã ký)

Võ Thanh Hà